

Số: /BC-STP

An Giang, ngày tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định dự thảo Quyết định ban hành Quy định quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh An Giang

Sở Tư pháp nhận được Công văn 2685/SNNMT-CCBVMT ngày 23/3/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc đề nghị thẩm định văn bản QPPL dự thảo Quy định về quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh An Giang, Sở Tư pháp đã tổ chức thẩm định và báo cáo kết quả như sau:

I. TÍNH HỢP HIẾN, HỢP PHÁP VÀ TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

Căn cứ quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang đã ban hành Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2024 quy định việc quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, Quyết định số 06/2024/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2024 quy định về quản lý chất thải rắn y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang.

Ngày 12 tháng 06 năm 2025, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, theo đó “23. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Kiên Giang và tỉnh An Giang thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh An Giang. Sau khi sắp xếp, tỉnh An Giang có diện tích tự nhiên là 9.888,91 km², quy mô dân số là 4.952.238 người.”.

Căn cứ quy định tại khoản 20 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 về việc áp dụng quyết định quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. Theo đó, quyết định áp dụng Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND trên phạm vi đơn vị hành chính tỉnh An Giang (mới) cho đến khi có văn bản thay thế hoặc bãi bỏ; quyết định áp dụng Quyết định số

05/2024/QĐ-UBND và Quyết định số 06/2024/QĐ-UBND trên phạm vi đơn vị hành chính tỉnh Kiên Giang (cũ) cho đến khi có văn bản thay thế hoặc bãi bỏ.

Căn cứ quy định tại khoản 6 Điều 53; 6 Điều 62; khoản 8 Điều 64; khoản 6 Điều 75; khoản 4 Điều 77 Luật Bảo vệ môi trường:

“Điều 53. Bảo vệ môi trường đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành lộ trình thực hiện đối với cơ sở quy định tại khoản 2 Điều này đang hoạt động trên địa bàn không đáp ứng khoảng cách an toàn về môi trường.

Điều 62. Bảo vệ môi trường trong hoạt động y tế và kiểm soát tác động của ô nhiễm môi trường đến sức khỏe con người

6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế phù hợp với điều kiện của địa phương; chịu trách nhiệm thực hiện quản lý các chất ô nhiễm liên quan đến các vấn đề về bệnh tật và sức khỏe con người trên địa bàn.

Điều 64. Bảo vệ môi trường trong hoạt động xây dựng

8. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng và quy hoạch địa điểm đổ chất thải từ hoạt động xây dựng; bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước.

Điều 72. Yêu cầu về quản lý chất thải

7. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm quản lý chất thải trên địa bàn; ban hành quy định về quản lý chất thải và thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động quản lý chất thải theo quy định của pháp luật.

Điều 75. Phân loại, lưu giữ, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt

6. Việc phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công kênh được thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 77. Thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

4. Cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải sử dụng thiết bị, phương tiện được thiết kế phù hợp đối với từng loại chất thải rắn sinh hoạt đã được phân loại, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường; việc vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải thực hiện theo tuyến đường, thời gian theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.”.

Khoản 22, khoản 23, khoản 25 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ môi trường quy định:

“22. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 72 như sau:

“7. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm quản lý chất thải trên địa bàn; ban hành quy định về quản lý chất thải và trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động quản lý chất thải theo quy định của pháp luật.”.

23. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 75 như sau:

“2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc phân loại cụ thể chất thải rắn sinh hoạt quy định tại điểm c khoản 1 Điều này trên địa bàn theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chính sách khuyến khích việc phân loại riêng chất thải nguy hại trong chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân.”.

25. Sửa đổi điểm c khoản 5 Điều 81 như sau:

“c) Phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý hoạt động theo tuyến đường và thời gian theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.”.

26. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 83 như sau:

“3. Chất thải nguy hại khi vận chuyển phải được lưu chứa và vận chuyển bằng thiết bị, phương tiện phù hợp đến cơ sở xử lý chất thải. Phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại phải hoạt động theo tuyến đường và thời gian theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.”.

Khoản 7 Điều 73 Luật Giá năm 2023 quy định:

“7. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 79 của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 11/2022/QH15 như sau:

“6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết về quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn; quy định cụ thể hình thức và mức kinh phí hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt dựa trên khối lượng hoặc thể tích chất thải đã được phân loại; định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của pháp luật về giá.”.”.

Khoản 4 Điều 64, khoản 4 Điều 70 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định:

Điều 64. Lộ trình hạn chế sản xuất, nhập khẩu sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học và sản phẩm, hàng hóa chứa vi nhựa

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy định và tổ chức triển khai hoạt động quản lý chất thải nhựa; bảo đảm sau năm 2025, không lưu hành và sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học (gồm túi ni lông khó phân hủy sinh học, hộp nhựa xếp đóng gói, chứa đựng thực phẩm) tại các trung tâm thương mại, siêu thị, khách sạn, khu du lịch, trờ sản phẩm, hàng hóa có bao bì nhựa khó phân hủy sinh học; tổ chức thanh tra, kiểm tra các đơn vị sản xuất sản phẩm nhựa sử dụng một lần và bao bì nhựa khó phân hủy sinh học trên địa bàn.

Điều 70. Xử lý chất thải nguy hại

4. Cơ sở y tế có công trình xử lý chất thải y tế nguy hại đặt trong khuôn viên để thực hiện việc tự xử lý và xử lý chất thải y tế nguy hại cho các cơ sở y tế lân cận (mô hình cụm) theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì không được coi là cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại. Việc vận chuyển chất thải y tế nguy hại từ các cơ sở y tế lân cận để xử lý theo mô hình cụm được thực hiện bởi các tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 4 Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường hoặc theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Khoản 3 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

“3. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

“Điều 21. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định để quy định:

a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;”.

Khoản 1 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, quy định:

“Điều 8. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành bằng văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 54 của Luật này hoặc luật, nghị quyết của Quốc hội có quy định khác.”.

Căn cứ quy định trên, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy định quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh An Giang (thay thế Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND, Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND) là **cần thiết và đúng thẩm quyền**.

II. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Đối tượng áp dụng, khoản 1 Điều 1 dự thảo quy định:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định chi tiết một số nội dung của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường năm 2025, bao gồm: Lộ trình thực hiện đối với cơ sở đang hoạt động trên địa bàn không đáp ứng khoảng cách an toàn về môi trường (khoản 6 Điều 53); thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế (khoản 6 Điều 62); thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng (khoản 8 Điều 64); quản lý chất thải (khoản 7 Điều 72); phân loại chất thải sinh hoạt (khoản 2 Điều 75); phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công kênh (khoản 6 Điều 75); tuyến đường, thời gian vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt (khoản 4 Điều 77); quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên

địa bàn và lộ trình thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt (khoản 6, khoản 7 Điều 79); tuyến đường, thời gian vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường (điểm c khoản 5 Điều 81); tuyến đường, thời gian vận chuyển chất thải nguy hại (khoản 3 Điều 83).

2. Quy định này không quy định về quản lý chất thải phóng xạ.

3. Những nội dung không quy định tại Quy định này được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.”.

Đề nghị điều chỉnh viện dẫn quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường theo quy định tại khoản 38 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP:

“38. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 68 như sau:

“1. Việc viện dẫn văn bản được thực hiện như sau:

a) Đối với văn bản được viện dẫn là luật, pháp lệnh, khi viện dẫn phải ghi đầy đủ tên văn bản và số, ký hiệu của văn bản; đối với văn bản đã được sửa đổi, bổ sung thì ghi thêm sau tên văn bản, số, ký hiệu của văn bản cụm từ “được sửa đổi, bổ sung bởi” và tên loại văn bản, số, ký hiệu của văn bản sửa đổi, bổ sung; trường hợp được sửa đổi, bổ sung nhiều lần thì từ lần sửa đổi, bổ sung lần thứ hai trở đi chỉ ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu của văn bản sửa đổi, bổ sung;”.

Đồng thời, rà soát sự cần thiết quy định khoản 3 Điều 1 dự thảo.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân (sau đây viết tắt là tổ chức, cá nhân) có hoạt động liên quan đến bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 1 Quy định này trên địa bàn tỉnh An Giang.

III. DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

1. Đề nghị điều chỉnh hình thức trình bày của dự thảo Quyết định theo mẫu số 20 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP. Cụ thể:

a) Bỏ thẩm quyền ban hành “ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH” và cụm từ “QUYẾT ĐỊNH”.

b) Bỏ gạch dưới tên gọi dự thảo Quyết định.

2. Căn cứ ban hành dự thảo Quyết định đề nghị điều chỉnh như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định 48/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình sốTTr-SKHCHN ngày.....tháng.....năm.....;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh An Giang.”.

3. Đề nghị bỏ từ “về” tại tên gọi dự thảo Quyết định, tên Điều 1 và tên Quy định ban hành kèm theo dự thảo Quyết định cho thống nhất với tên Quyết định đã được chấp thuận tại Công văn số 314/VP-KT ngày 08/01/2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Điều 2 dự thảo quy định “Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký...”, đề nghị điều chỉnh thời gian có hiệu lực của dự thảo Quyết định như sau: “Quyết định này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2026” đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật:

“Điều 53. Thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật

1. Thời điểm có hiệu lực toàn bộ hoặc một phần văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại văn bản đó nhưng không sớm hơn 45 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước ở trung ương; không sớm hơn 10 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương.”.

5. Nơi nhận dự thảo Quyết định, đề nghị:

a) Bổ sung Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp.

b) Điều chỉnh “Đài PTTH và Báo An Giang” thành “Báo và Phát thanh - Truyền hình An Giang”.

IV. DỰ THẢO QUY ĐỊNH

1. Đề nghị thuyết minh cơ sở, sự cần thiết để quy định Điều 3 dự thảo vào Bảng so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo. Ví dụ, khoản 1 Điều 3 dự thảo giải thích cụm từ “Chất thải rắn sinh hoạt nguy hại”, tuy nhiên, khoản 19, khoản 20 Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường đã giải thích:

“19. Chất thải rắn là chất thải ở thể rắn hoặc bùn thải.

20. Chất thải nguy hại là chất thải chứa yếu tố độc hại, phóng xạ, lây nhiễm, dễ cháy, dễ nổ, gây ăn mòn, gây nhiễm độc hoặc có đặc tính nguy hại khác.”.

Khoản 11 Điều 3 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP giải thích:

“11. Chất thải rắn sinh hoạt (còn gọi là rác thải sinh hoạt) là chất thải rắn phát sinh trong sinh hoạt thường ngày của con người.”.

Do đó, có cần thiết giải thích thêm cụm từ “*chất thải rắn sinh hoạt nguy hại*” hay không.

2. Điều 4 dự thảo quy định: “**Điều 4. Lộ trình thực hiện các biện pháp kỹ thuật, công nghệ hoặc chuyển đổi loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, kho tàng hoặc di dời đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng đang hoạt động trên địa bàn không đáp ứng khoảng cách an toàn về môi trường**”.

a) Đề nghị cơ quan soạn thảo quy định rõ tại tên điều quy định chi tiết nội dung được giao tại quy định nào của Luật Bảo vệ môi trường. Tương tự, rà soát điều chỉnh đối với toàn bộ các điều quy định chi tiết nội dung được giao còn lại tại dự thảo Quy định.

c) Khoản 2, khoản 6 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường quy định:

“2. Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng thuộc các trường hợp sau đây phải có khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư:

a) Có chất dễ cháy, dễ nổ;

b) Có chất phóng xạ, chất thải phóng xạ hoặc thiết bị bức xạ;

c) Có chất độc hại đối với người và sinh vật;

d) Có nguy cơ phát tán bụi, mùi khó chịu, tiếng ồn tác động xấu đến sức khỏe con người;

đ) Có nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước.

6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành lộ trình thực hiện đối với cơ sở quy định tại khoản 2 Điều này đang hoạt động trên địa bàn không đáp ứng khoảng cách an toàn về môi trường.”.

Trên cơ sở nội dung được giao, đề nghị cơ quan soạn thảo thuyết minh cơ sở để quy định áp dụng một trong 03 biện pháp tại khoản 1 Điều 4 dự thảo: áp dụng biện pháp kỹ thuật, công nghệ hoặc chuyển đổi loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, kho tàng hoặc di dời đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng đang hoạt động trên địa bàn không đáp ứng khoảng cách an toàn về môi trường

d) Trường hợp có cơ sở để áp dụng các biện pháp nêu trên thì rà soát quy định tại khoản 1 Điều 4 dự thảo: “...việc áp dụng các biện pháp kỹ thuật, công nghệ hiện đại, tiên tiến tốt nhất hiện có trên Việt Nam” hay “...áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất” cho phù hợp. Vì Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP có quy định về việc áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất.

đ) Thuyết minh cơ sở để xác định lộ trình thực hiện trước ngày 01/01/2030.

e) Xác định cơ sở, sự cần thiết quy định khoản 3 Điều 4 dự thảo để đảm bảo tính minh bạch trong quy định của văn bản quy phạm pháp luật:

“3. Đối với các dự án đầu tư mới thuộc danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II ban

hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (trừ các dự án, cơ sở: Xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường; chất thải nguy hại; khai thác dầu thô, khí đốt tự nhiên; Lọc, hóa dầu; Nhiệt điện than) **bắt buộc bố trí vào khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Trong trường hợp đặc biệt, cần đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và quyết định từng trường hợp cụ thể.** Riêng dự án đầu tư cơ sở giết mổ và chăn nuôi gia súc, gia cầm bố trí ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp phải đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

a) Phù hợp quy hoạch tỉnh, đáp ứng được yêu cầu về bảo vệ môi trường và sức chịu tải của môi trường theo quy định;

b) Đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư và công trình khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, pháp luật về nông nghiệp, xây dựng và pháp luật khác có liên quan.”.

3. Mục 2 dự thảo

a) Tên Mục 2 dự thảo quy định “**QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN Y TẾ BÊN NGOÀI KHUÔN VIÊN CƠ SỞ Y TẾ**”. Rà soát cơ sở để quy định tên Chương “...**BÊN NGOÀI CƠ SỞ Y TẾ**”, vì điểm c khoản 1 Điều 7 dự thảo quy định “c) Tự xử lý tại chỗ theo hiện trạng các công trình, thiết bị xử lý chất thải rắn y tế lây nhiễm trong khuôn viên cơ sở y tế; Khuyến khích các cơ sở y tế có công trình xử lý chất thải rắn y tế lây nhiễm tại chỗ thực hiện chuyển giao chất thải y tế cho cơ sở có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.”.

Khoản 6 Điều 62 Luật Bảo vệ môi trường quy định:

“6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế phù hợp với điều kiện của địa phương; chịu trách nhiệm thực hiện quản lý các chất ô nhiễm liên quan đến các vấn đề về bệnh tật và sức khỏe con người trên địa bàn.”.

Khoản 5 Điều 42 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT quy định:

“**Điều 42. Vận chuyển, xử lý chất thải y tế**

5. Sở Tài nguyên và Môi trường lập, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quy định về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn, bảo đảm phù hợp với điều kiện của địa phương và quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Quy định thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại bao gồm các nội dung chính sau:

a) Địa điểm, mô hình xử lý chất thải y tế nguy hại;

b) Phạm vi, phương thức thu gom, vận chuyển chất thải y tế nguy hại;

c) *Thông tin về tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại;*

d) *Các vấn đề liên quan khác.”.*

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát việc quy định Điều 5, Điều 6, Điều 7 dự thảo về thu gom, lưu giữ và chuyển giao **chất thải rắn y tế thông thường** và thu gom, vận chuyển **chất thải rắn y tế nguy hại** đã đảm bảo các nội dung được giao tại Điều 62 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 42 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT hay chưa. Đối với thu gom, vận chuyển chất thải y tế nguy hại không phải là chất thải rắn thì xử lý như thế nào, vì theo khoản 18 Điều Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường quy định: *“18. Chất thải là vật chất ở thể rắn, lỏng, khí hoặc ở dạng khác được thải ra từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc hoạt động khác.”.*

b) Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cụm từ “phường Long Phú thị xã Tân Châu” tại điểm b khoản 1 Điều 7 dự thảo cho phù hợp.

Đồng thời, phối hợp với Sở Y tế rà soát, điều chỉnh tên “Bệnh viện Lao và Bệnh viện Phổi, Bệnh viện Tâm thần” cho đúng tên Bệnh viện trên địa bàn tỉnh.

c) Khoản 2 Điều 7 dự thảo quy định:

“2. Cơ sở xử lý theo mô hình cụm được phép hợp đồng với đơn vị có chức năng theo quy định để xử lý những thành phần chất thải y tế khác mà cơ sở không có khả năng xử lý theo quy định.”.

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát cơ sở để quy định nội dung trên. Vì điểm b khoản 4 Điều 42 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT quy định:

“4. Chất thải y tế nguy hại được xử lý theo thứ tự ưu tiên sau:

a) *Xử lý tại cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại có hạng mục xử lý chất thải y tế;*

b) *Xử lý chất thải y tế nguy hại theo mô hình cụm cơ sở y tế (chất thải y tế của một cụm cơ sở y tế được thu gom và xử lý tại hệ thống, thiết bị xử lý của một cơ sở trong cụm);”.*

4. Điều 8, Điều 9 dự thảo:

a) Khoản 8 Điều 64 Luật Bảo vệ môi trường quy định:

“8. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng và quy hoạch địa điểm đổ chất thải từ hoạt động xây dựng; bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước.”.

Tên Điều 8 dự thảo quy định thu gom, vận chuyển chất thải rắn xây dựng, tuy nhiên, nội dung Điều 8 chưa quy định rõ việc vận chuyển thực hiện như thế nào, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh cho phù hợp. Đồng thời, đề nghị cơ quan soạn thảo thuyết minh thêm thực tiễn việc thực hiện “*quy hoạch địa điểm đổ chất thải từ hoạt động xây dựng*” trên địa bàn tỉnh thực hiện như thế nào, vì khoản 4 Điều 8 dự thảo sử dụng cụm từ “*Ủy ban nhân dân tỉnh công bố*”

danh mục khu vực, địa điểm tiếp nhận đổ thải”.

b) Điều 9 dự thảo quy định:

“Điều 9. Xử lý chất thải rắn xây dựng

1. Đối với cơ sở xử lý chất thải rắn xây dựng: cơ sở xử lý phải được đầu tư xây dựng **theo quy hoạch xây dựng** được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Các công nghệ xử lý bao gồm: nghiền, sàng; sản xuất vật liệu xây dựng; chôn lấp và các công nghệ khác. Công nghệ, quy trình xử lý chất thải rắn xây dựng phải phù hợp, đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

2. Hộ gia đình, cá nhân tại vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa chưa có hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn xây dựng khi tiến hành các hoạt động xây dựng, cải tạo hoặc phá dỡ công trình xây dựng, chất thải phát sinh thực hiện theo quy định tại Điều 8 Quy định này **hoặc được phép lưu chứa tại các thửa đất ở, đất trồng cây lâu năm thuộc quyền sử dụng nằm liền kề công trình đó.** Việc lưu chứa không gây ô nhiễm môi trường; không ảnh hưởng đến thoát nước, giao thông, cảnh quan và các thửa đất liền kề.”.

c) Đề nghị rà soát việc sử dụng cụm từ “*quy hoạch xây dựng*” hiện nay còn phù hợp hay không.

d) Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát quy định cho phép “**hoặc được phép lưu chứa tại các thửa đất ở, đất trồng cây lâu năm thuộc quyền sử dụng nằm liền kề công trình đó.**” có đảm bảo phù hợp theo quy định tại khoản 7 Điều 64 Luật Bảo vệ môi trường hay không:

“7. Chất thải từ hoạt động cải tạo hoặc phá dỡ công trình xây dựng của hộ gia đình, cá nhân tại vùng nông thôn chưa có hệ thống thu gom, xử lý chất thải phải được tái sử dụng **hoặc đổ thải theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**; không được đổ chất thải ra đường, sông ngòi, suối, kênh rạch và nguồn nước mặt khác làm ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường.”.

5. Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát cơ sở để quy định khoản 4 Điều 11 dự thảo:

“Điều 11. Quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân

4. Quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện theo lộ trình sau đây:

a) Trước ngày 01 tháng 01 năm 2031 đối các phường, đặc khu;

b) Trước ngày 01 tháng 01 năm 2035 đối với các xã.”.

6. Điều 12 dự thảo quy định thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát đối với quy định *hình thức và mức kinh phí hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt* theo khoản 7 Điều 73 Luật Giá năm 2023 thực hiện như thế nào, vì khoản 7 Điều 73 Luật Giá năm 2023 quy định:

“7. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 79 của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 11/2022/QH15 như sau:

“6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết về quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn; quy định cụ thể hình thức và mức kinh phí hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt dựa trên khối lượng hoặc thể tích chất thải đã được phân loại; định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của pháp luật về giá.””.

7. Khoản 5 Điều 17 dự thảo quy định:

“5. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu phải thực hiện **xây dựng kế hoạch, lộ trình hạn chế và tiến tới không sử dụng túi ni lông khó phân hủy** tại các trung tâm thương mại, siêu thị, khách sạn, khu du lịch, chợ dân sinh; thực hiện đồng bộ các giải pháp phân loại, thu gom, tái chế, xử lý chất thải nhựa cho đô thị và khu dân cư nông thôn tập trung.”.

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát quy định trên, vì khoản 4 Điều 64 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định:

“4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy định và tổ chức triển khai hoạt động quản lý chất thải nhựa; **đảm bảo sau năm 2025, không lưu hành và sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học** (gồm túi ni lông khó phân hủy sinh học, hộp nhựa xếp đóng gói, chứa đựng thực phẩm) tại các trung tâm thương mại, siêu thị, khách sạn, khu du lịch, trừ sản phẩm, hàng hóa có bao bì nhựa khó phân hủy sinh học; tổ chức thanh tra, kiểm tra các đơn vị sản xuất sản phẩm nhựa sử dụng một lần và bao bì nhựa khó phân hủy sinh học trên địa bàn.”.

8. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân từ Điều 18 đến Điều 30 dự thảo, đề nghị cơ quan soạn thảo lấy ý kiến của cơ quan, đơn vị có liên quan.

9. Hình thức trình bày, đề nghị:

a) Bỏ cụm từ “ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang” tại cụm từ trong ngoặc đơn dưới tên gọi dự thảo Quy định.

b) Điều chỉnh các gạch đầu dòng tại khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 20 thành các điểm theo thứ tự của bảng chữ cái tiếng Việt.

c) Điều chỉnh từ “cấp tỉnh” tại khoản 6 Điều 25 cho phù hợp.

V. TỜ TRÌNH DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

1. Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh Tờ trình dự thảo theo mẫu số 02 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP. Theo đó, bổ sung rõ cơ sở chính trị, pháp lý và cơ sở thực tiễn vào mục I sự thiết ban hành văn bản. Trong đó, cơ sở chính trị, pháp lý: trích dẫn cụ thể nội dung văn bản của Đảng (văn kiện, nghị quyết, kết luận, thông báo (nếu có)) liên quan đến nội dung đề xuất và cơ sở pháp lý là căn cứ trực tiếp để ban hành Quyết định. Về cơ sở

thực tiễn, đánh giá quá trình thực hiện Quyết định trước đây nhằm xác định việc quy định quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh An Giang đã góp phần mang lại hiệu quả, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, do phát sinh thực tế cần phải thay thế Quyết định.

Đồng thời, lưu ý cơ quan soạn thảo, tại mục I dự thảo Tờ trình, các quy định đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, đề nghị cơ quan soạn thảo cập nhật cho phù hợp.

2. Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo, ngoài việc thuyết minh trên cơ sở kế thừa quy định cũ, đề nghị thuyết minh cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn (phù hợp với tình hình thực tế của địa phương) vào cột thuyết minh nội dung dự thảo.

VI. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC SOẠN THẢO VĂN BẢN

1. Dự thảo Quyết định được chấp thuận xây dựng tại Công văn số 314/VP-KT ngày 08/01/2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chấp thuận đăng ký xây dựng Quyết định ban hành Quy định quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường đã lấy ý kiến góp ý của cơ quan, đơn vị có liên quan tại Công văn số 843/SNNMT-CCBVMT ngày 20/01/2026, Công văn số 1757/SNNMT-CCBVMT ngày 28/02/2026 về việc lấy ý kiến góp ý dự thảo Quyết định ban hành Quy định quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh An Giang. Cơ quan soạn thảo đã tổng hợp ý kiến góp ý của cơ quan, đơn vị có liên quan tại Bản tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý.

VI. KẾT LUẬN

Dự thảo Quyết định đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trong trường hợp cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh dự thảo theo các ý kiến tại Mục II, III, IV, V của Báo cáo này.

Trên đây là Báo cáo kết quả thẩm định của Sở Tư pháp kính gửi Quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Cổng thông tin điện tử Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, XDTHPL, httram.

GIÁM ĐỐC

Trịnh Tuấn Ngọc